

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Hữu Lộc.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An tham gia phiên họp: Ông Phạm Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 457/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 về yêu cầu “xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp số: 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Bùi Duy T, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bùi Văn C, sinh năm: 1949; địa chỉ: Số C, Tổ D, Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Ông Bùi Tấn Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

3. Ông Bùi Văn D, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

4. Ông Bùi Phương N, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

5. Bà Bùi Thị Thanh T1, sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

6. Anh Bùi Ngọc L, sinh năm 1983; địa chỉ: Số D, Tổ D, Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

7. Bà Bùi Thị Ngọc D1, sinh năm 1990; địa chỉ: Số D, Tổ D, Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 29/01/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp, người yêu cầu ông Bùi Duy T trình bày: Cha ông là ông Bùi Ngọc T2, sinh năm 1951 (chết năm 2022) mẹ là bà Bùi Thị Bạch T3, sinh năm 1957 (chết năm 2022). Cha mẹ chung sống với nhau có sinh được 03 người con chung gồm: Bùi Duy T, Bùi Tấn Đ, Bùi Văn D. Ngoài ra ông T còn có 02 người em cùng cha khác mẹ gồm: Bùi Ngọc L, Bùi Thị Ngọc D1 và 02 người em cùng mẹ khác cha gồm: Bùi Phương N, Bùi Thị Thanh T1. Khi cha mẹ sinh ra ông thì cha ông đi lính nên khi đi khai sinh cho ông thì ghi tên mẹ là Bùi Thị Bạch T3, tên cha là Bùi Văn C (là tên bác ruột ông). Từ nhỏ đến lớn ông đều sống chung với cha mẹ và được các chị em ruột, họ hàng trong gia đình thừa nhận sự việc này. Vào năm 2021 thì mẹ ông chết, năm 2022 thì cha ông chết nên không đi làm thủ tục cải chính giấy khai sinh, khai đúng tên cha cho ông được. Vì vậy, nay ông làm đơn yêu cầu Tòa án xác định ông Bùi Ngọc T2 là cha ruột của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2024 như sau: Ông là anh ruột của ông Bùi Ngọc T2, là anh rể của bà Bùi Thị Bạch T3, là bác ruột của Bùi Duy T. Trong giấy khai sinh của anh Bùi Duy T có ghi tên cha là Bùi Văn C, sinh năm: 1949 đó là ông. Nhưng việc khai sinh là không đúng vì người đi khai sinh lúc đó có sự nhầm lẫn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tấn Đ trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2024 và tại phiên họp như sau: Ông Đ là em ruột cùng cha, cùng mẹ với ông T. Cha tên là Bùi Ngọc T2, mẹ tên là Bùi Thị Bạch T3. Ông Bùi Duy T yêu cầu xác định cha là ông Bùi Ngọc T2 là đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn D trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2024 như sau: Ông D là em ruột cùng cha, cùng mẹ với ông T. Cha tên là Bùi Ngọc T2, mẹ tên là Bùi Thị Bạch T3. Ông Bùi Duy T yêu cầu xác định cha là ông Bùi Ngọc T2 là đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Phương N, bà Bùi Thị Thanh T1 trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2024 và tại phiên họp như sau: Ông N và bà T1 là em ruột cùng mẹ, khác cha với ông T. Mẹ chung tên là Bùi Thị Bạch T3. Ông Bùi Duy T yêu cầu xác định cha là ông Bùi Ngọc T2 là đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc L, bà Bùi Thị Ngọc D1 trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2024 và tại phiên họp như sau: Ông L và bà D1 là em ruột cùng cha, khác mẹ với ông T. Cha chung tên là Bùi Ngọc T2. Ông Bùi Duy T yêu cầu xác định cha là ông Bùi Ngọc T2 là đúng.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức phát

biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký, việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý việc dân sự đến tại thời điểm mở phiên họp đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 90, 92, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Duy T công nhận ông Bùi Ngọc T2 sinh năm 1951 (chết năm 2022) là cha ruột của ông Bùi Duy T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cần Đức nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C, ông Bùi Văn D vắng mặt tại phiên họp và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên họp theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Bùi Duy T có nơi cư trú tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An yêu cầu xác định ông Bùi Ngọc T2, sinh năm 1951 (chết năm 2022) là cha ruột. Căn cứ vào khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân gia đình. Yêu cầu của ông Thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

[3] Về nội dung: Ông Bùi Ngọc T2 và bà Bùi Thị Bạch T3 là vợ chồng sinh được 03 người con chung gồm: Bùi Duy T, Bùi Tấn Đ, Bùi Văn D. Tuy nhiên, trong giấy khai sinh của ông Bùi Duy T ghi tên mẹ là Bùi Thị Bạch T3, tên cha là ông Bùi Văn C. Việc khai tên cha là Bùi Văn C là do có sự nhầm lẫn do thời điểm này ông Bùi Ngọc T2 đi lính. Do hiện nay ông Bùi Ngọc T2 và bà Bùi Thị Bạch T3 đã chết nên không thể làm thủ tục điều chỉnh tên cha trong giấy khai sinh theo thủ tục hành chính. Vì vậy, ông Bùi Duy T yêu cầu xác định cha ông T là Bùi Ngọc T2 chứ không phải ông Bùi Văn C. Anh Bùi Tấn Đ, anh Bùi Văn D là em cùng cha, cùng mẹ với ông T; anh Bùi Ngọc L, chị Bùi Thị Ngọc D1 là em cùng mẹ khác cha với ông T; anh Bùi Phương N, chị Bùi Thị Thanh T1 là em cùng cha khác mẹ với ông T đều xác định ông Bùi Ngọc T2 là cha đẻ của ông Bùi Duy T và không có tranh chấp trong vụ việc.

Do đó, việc ông Bùi Duy T yêu cầu Tòa án xác nhận ông Bùi Ngọc T2, sinh năm 1951 (đã chết năm 2022) là cha ruột của ông Bùi Duy T là có cơ sở

chấp nhận theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 90, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về lệ phí: Ông Bùi Duy T chịu lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước là có cơ sở nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 của Bộ Luật Dân sự; khoản 1 Điều 90, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu xác định cha cho con của ông Bùi Duy T.

Xác định ông Bùi Ngọc T2, sinh năm 1951 (đã chết theo Trích lục khai tử số: 1076/TLKT-BS ngày 02/11/2022 của UBND thị trấn C), nguyên quán: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An là cha ruột của ông Bùi Duy T, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Ông Bùi Duy T có quyền yêu cầu thay đổi cải chính hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Ông Bùi Duy T phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0012117 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An, ông T đã nộp đủ.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Ủy ban nhân dân xã
- Đương sự;
- Lưu./.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**Lê Hữu Lộc**